

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã số: 7580201

Chuyên ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Mục tiêu đào tạo

Chương trình nhằm đào tạo kỹ sư xây dựng có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tốt, có khả năng làm việc tập thể, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội về lĩnh vực xây dựng.

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư xây dựng có năng lực để thực hiện được các công việc sau đây:

- Chủ trì được các công việc về: Thiết kế, lập biện pháp thi công, tổ chức thi công, giám sát thi công, lập dự toán, lập hồ sơ thầu, hồ sơ hoàn công,.. của công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp từ cấp III trở xuống.

- Triển khai thực hiện được các công việc (thiết kế, lập biện pháp thi công tổ chức thi công, giám sát thi công, lập dự toán, lập hồ sơ thầu, hồ sơ hoàn công,..) của công trình dân dụng và công nghiệp cấp I và cấp II nhưng phải dưới sự chỉ đạo của Chủ nhiệm dự án/Chủ nhiệm công trình.

- Có lập trường chính trị-tư tưởng vững vàng; có ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có sức khỏe tốt.

- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực xây dựng để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

Nội dung chương trình

TT	Tên học phần	Thời lượng				Ghi chú
		Tổng số tín chỉ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương	30	345	210	0	
1	Triết học Mác-Lênin	3	45	0	0	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0	0	

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	
4	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	0	0	
5	Tư tưởng HCM	2	30	0	0	
6	Giáo dục TC (03 tín chỉ)					Không kể vào tổng số tín chỉ của CTĐT
7	Giáo dục AN-QP (08 tín chỉ)					
9	Toán cao cấp	3	30	30	0	
10	Vật lý đại cương	2	15	30	0	
11	Tin học đại cương	2	15	30	0	
12	Tiếng Anh	4	45	30	0	
13	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	30	0	
14	Toán ứng dụng (<i>xác suất, thống kê</i>)	2	15	30	0	
15	Kỹ năng mềm	3	30	30	0	
II	Kiến thức cơ sở ngành	30	315	270	0	
16	Hình họa	3	30	30	0	
17	Vẽ kỹ thuật	4	45	30	0	
18	Cơ lý thuyết	2	15	30	0	
19	Sức bền vật liệu	4	45	30	0	
20	Cơ học kết cấu	4	45	30	0	
21	Vật liệu xây dựng và thí nghiệm	3	30	30	0	
22	Địa chất công trình	2	30	0	0	
23	Điện kỹ thuật	2	30	0	0	
24	Tin ứng dụng (<i>sử dụng máy vi tính vẽ lại bản vẽ thiết kế công trình xây dựng</i>)	4	15	90	0	
25	An toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường	2	30	0	0	
III	Kiến thức chuyên ngành	90	570	1080	765	
26	Cấu tạo công trình	4	30	60	0	
27	Thiết kế kiến trúc và đồ án	4	30	60	0	
28	Kết cấu BTCT 1 và đồ án	5	45	60	0	
29	Kết cấu BTCT 2 và đồ án	5	45	60	0	
30	Kết cấu thép 1 và đồ án	5	45	60	0	
31	Kết cấu thép 2 và đồ án	5	45	60	0	
32	Kết cấu gỗ	3	30	30	0	
33	Kết cấu gạch đá	3	30	30	0	
34	Cơ học đất	3	30	30	0	
35	Nền móng và đồ án	4	30	60	0	
36	Trắc đạc công trình và đồ án	4	30	60	0	
37	Cấp thoát nước	3	30	30	0	
38	Máy xây dựng	2	15	30	0	
39	Kinh tế xây dựng	3	30	30	0	
40	Kỹ thuật thi công	4	45	30	0	
41	Đồ án kỹ thuật thi công	2	0	60	0	
42	Tổ chức thi công và đồ án	3	15	60	0	
43	Dự toán và thanh quyết toán công	3	30	30	0	

	trình					
44	Thực tập thiết kế kiến trúc	4	0	0	180	
45	Thực tập kết cấu	4	0	0	180	
46	Thực tập thi công	5	0	0	225	
47	Thực tập lập hồ sơ dự thầu và hồ sơ hoàn công	4	0	0	180	
48	Khóa luận /đồ án tốt nghiệp	8	15	240	0	
IV	Tổng I+II+III =	150	1215	1590	765	
	Kiến thức tự nguyện hoặc học phần thay thế thi tốt nghiệp (đăng ký học theo nhu cầu)					
4.1.	Chuyên đề kiến trúc	4	15	90	0	
4.2.	Chuyên đề kết cấu	4	15	90	0	
4.3.	Chuyên đề trắc địa công trình	4	15	90	0	
4.4.	Chuyên đề kỹ thuật thi công	4	15	90	0	
4.4.	Chuyên đề nền móng công trình	4	15	90	0	
4.5.	Chuyên đề bóc tách khối lượng và hồ sơ hoàn công	4	15	90	0	
4.6.	Chuyên đề tư vấn xây dựng công trình	4	15	90	0	